

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-VPĐKKĐĐ, ngày / / 2020 của Văn phòng Đăng ký c

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ
1	Ngô Đình Quốc+Võ Thị Kim Anh	CU 322792	5/2/2020	Xã Đăk Cấm	1657	47
2	Nguyễn Văn Thành	DA 625335	7/9/2021	Xã Ia Chim	37	34
3	Lê Văn Hoàng	CP 805571	8/12/2018	Xã Ia Chim	752	35
4	Nguyễn Bạch Huệ	BH 544651	6/2/2012	Xã Chư Hreng	163	3
5	A Ngih+Y Glin	DD 977141	10/12/2021	Xã Hòa Bình	603	32
6	A Nak+Y Dăck	CK 339858	15/9/2017	Xã Đăk Blà	1855	19
7	Đỗ Hồng Hải	AA 392229	23/8/2004	Duy Tân	1-GV	20
8	Đặng Thị Bích Lài	AC 919582	3/3/2006	Xã Đăk Blà	318	3
9	Thái Gia+Nguyễn Thị Thanh Ngọc	DA 744710	6/9/2021	Xã Đăk Blà	2156	19
10	Thái Gia+Nguyễn Thị Thanh Ngọc	DD 977170	16/12/2021	Xã Đăk Blà	2157	19
11	Phạm Văn Xã	BR 225690	10/12/2014	Xã Đăk Blà	419	27
12	Lê Thị Liệu	Q 317097	6/12/1999	Xã Vinh Quang	81	35
13	Hoàng Hữu Mai	AB 123607	24/1/2005	Quang Trung	38-4	24
14	Lê Văn Sỹ	CQ 917817	16/5/2019	Xã Đăk Blà	594	16
15	Võ Thị Thúy Hằng	AP 998930	24/6/2009	Thống Nhất	96	14
16	Quách Cao Nguyên	CC 234214	4/2/2016	Xã Đăk Cấm	1708	47
17	Mai Hồng Tân	N 533818	24/5/1999	Xã Đoàn Kết	61+55	24
18	Ngô Quang Thạnh	AP 973366	17/8/2009	Xã Tịnh Sơn	38	9
19	Tô Rớt	A 132290	7/5/1990	Xã Hòa Bình	9	17
20	Nguyễn Xuân Nghi+Trần Thị Oanh	AI 525192	12/3/2007	Quang Trung	147	62
21	Nguyễn Minh Tường	AB 132871	22/3/2005	Trường Chinh	6	9
22	Huỳnh Văn Hùng	CU 323066	26/2/2020	Trần Hưng Đạo	31`	79
23	Đặng Trung Can	AA 394958	15/11/2004	Thống Nhất	59	3
24	Nguyễn Thị Hoa	BX 449790	28/9/2015	Lê Lợi	39	6
25	Nguyễn Thái Tây	BĐ 578255	14/1/2011	Thống Nhất	8	25

26	Thái Đình Chương+Nguyễn Thị Lài	BK 082119	7/12/2012	Xã Đăk Cấm	309	56
27	Phạm Công Trường	CK 453920	16/11/2017	Xã Chư Hreng	355	7
28	Nguyễn Văn Trí	Q 290720	29/10/1999	Xã Ia Chim	38	11A
29	Nguyễn Trung Chiến+Đặng Thị Linh	DD 977236	29/12/2021	Xã Đăk Blà	696	13
30	Phan Thanh Quân+Nguyễn Thị Hà Huyền	DA 629494	28/9/2021	Xã Đăk Blà	712	13
31	Nguyễn Trung Chiến+Đặng Thị Linh	DA 629493	28/9/2021	Xã Đăk Blà	713	13
32	A Thoang	T 932783	26/9/2001	Xã Đăk Rơ Wa	83	2
33	Nguyễn Bá Sơn+Nguyễn Thị Nụ	DA 744666	26/8/2021	Xã Đăk Blà	697	13
34	Bùi Bã	AB 148001	5/1/2005	Quyết Thắng	5	9
35	Hồ Hoàng Nam+Nguyễn Thị Cuộc	AK 537677	10/9/2007	Thắng Lợi	121	14
36	Nguyễn Phước Chí+Ngô Thị Hoa	BC 661352	16/8/2010	Nguyễn Trãi	2	43
37	Tạ Anh Dũng	CM 372422	6/7/2018	Xã Chư Hreng	221	8
38	Y Bông	DA 619341	31/5/2021	Xã Ngok Bay	286	19
39	A Chunh	P 081292	11/10/1999	Xã Đăk Blà	165	3
40	Lê Thị Mỹ Trímh	BA 252925	31/12/2009	Xã Vinh Quang	227	1
41	Y Hnhuk	U 326920	28/12/2001	Xã Vinh Quang	24	14
42	Vũ Hữu Đức	CC 115537	29/12/2015	Xã Chư Hreng	263	17
43	Đặng Quang Sơn	DA 629218	30/7/2021	Xã Đăk Rơ Wa	871	17
44	Nguyễn Hữu Luyện	AB 123571	24/1/2005	Trần Hưng Đạo	96-1	8
45	Trần Minh Hải+Trịnh Thị Hậu	AB 148460	31/1/2005	Quang Trung	54	57
46	Hồ Văn Ngá+Nguyễn Thị Chung	AN 339653	4/8/2008	Trần Hưng Đạo	53	69
47	Trần Văn Hiến+Phạm Thị Ngọc Thanh	BH 395845	9/9/2011	Ngô Mây	28	42
48	Lư Thị Út	AC 924942	3/5/2006	Trường Chinh	111	8D
49	Đặng Văn Cầm	R 942802	19/1/2001	Xã Đoàn Kết	390	4
50	A Quang	P 081618	11/10/1999	Xã Đăk Blà	401+402+406	10.94
51	Lê Quang Nhứt	BK 097880	3/12/2013	Trần Hưng Đạo	118	81
52	Nguyễn Đức Thoại	AK 512934	24/12/2007	Trường Chinh	142	8
53	Hoàng Thị Hà Phượng	BH 544657	9/2/2012	Lê Lợi	95	25
54	Đinh Xuân Thái+Lê Thị Ngọc Mai	DD 230494	25/11/2021	Duy Tân	385	13
55	Đoàn Vĩ Hà	CL 884359	28/12/2017	Duy Tân	190	18
56	Phan Thanh Quang	DD 815108	8/12/2021	Xã Vinh Quang	171	29

57	Nguyễn Anh Dũng	DD 957255	28/12/2021	Xã Đăk Blà	740	13
58	Bùi Văn Đáp+Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	DD 230397	25/11/2021	Xã Đăk Cấm	1255	56
59	A Kyrn+Y Phuri	CI 407562	12/4/2021	Ngô Mây	208+209	74
60	A Kết	BK 037774		Xã Ngok Bay	313	2

Ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người kiểm tra

Đỗ Thị Hồng Phương

CNTP

GẮN LIỀN VỚI ĐẤT*đất đai)*

Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
448.0	ONT+HNK	CNTP
5501.6	ODT+HNK	CĐ
168.6	ONT+HNK	CNTP
875.1	ONT+HNK	CNTP
1739.5	ONT+HNK	Tặng cho
387.2	ONT+HNK	CNTP
180	ODT	CNTP
244.7	ONT+NKH	CNTP
380	ONT	HT
229.2	ONT	HT
3320.1	HNK+Ổ	CĐ
1610	ĐRM	CNTP
1537	HNK	CNHT
2689.2	ONT+HNK	CNTP
293	ODT+HNK	CNTP
500	ONT	CNTP
5290+8449	ĐRM;ĐRM	CĐ
284.2	ONT+vườn	CNTP
3630	khu dân cư	TK
105.9	ODT	TK
1996	HNK	CNTP
672.5	ODT+HNK	CNTP
168	ODT	CNTP
101	ONT+HNK	CNTP
220.5	ODT+HNK	CNTP

224.8	ONT+HNK	CNTP
2355.5	ONT+HNK	CNTP
1.336+400+936	ODT+vườn	TK
648	ONT	HT
200	ONT	HT
400	ONT	HT
2.525+400+2.125	ODT+Vườn	CĐ
800	ONT	HT
254.1	ODT	Tặng cho
300	HNK	TK
941.8	ODT+HNK	ĐKTS
1787.8	HNK	CNTP
4306.7	HNK	CN1P+CĐ
2.164+400+1.764	ODT+vườn	Tặng cho 1P+CĐ
215	ONT+HNK	CNTP
1.286+400+886	ODT+vườn	CĐ
1086.7	ONT+HNK	CNTP
565.5	ONT+HNK	CĐ
440	HNK	CNTP
75.8	ODT	CNTP
825.2	ODT+HNK	CĐ
2000	ODT+HNK	CNTP
285.5	ODT+HNK	CNTP
1.725+400+1.325	ODT+vườn	CN1P+CĐ
750+390+1.500	Lúa	CĐ
105	ODT	CNTP
153.3	HNK	CNTP
630.8	ODT	Tặng cho
2011.6	HNK	CNTP
423.7	CLN	CNTP
13466.4	CLN	CNTP

1065.9	ONT	CNTP
443.7	ONT+HNK	CNTP
5232+4229.1	CLN	CĐ
987	HNK	CĐ

Ngày tháng năm 2022

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI